



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
---o0o---

Số: 02/2652015/QĐ.

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 05 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế Quản trị Công ty

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/06/2006 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản ("Công ty") đã nhất trí quyết nghị thông qua nghị quyết với nội dung chính như sau:

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua việc ban hành Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản.

**Điều 2.** Hiệu lực của Nghị quyết:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký **Thi hành**;

**Điều 3.** Thi hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Trụ sở chính;
- BKS, HĐQT, GD;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

LÊ VĂN CHUNG

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b> .....	<b>4</b>
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh .....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ .....	4
<b>CHƯƠNG II</b> .....	<b>5</b>
Điều 3. Quyền của cổ đông.....	5
Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	6
Điều 5. Điều lệ Công ty .....	7
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	7
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị .....	Error! Bookmark not defined.
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên .....	10
<b>CHƯƠNG III</b> .....	<b>10</b>
Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị.....	11
Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 16. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty .....	15
Điều 17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị .....	16
Điều 18. Thư ký Công ty .....	16
Điều 19. Thù lao của Hội đồng quản trị .....	16
<b>CHƯƠNG IV</b> .....	<b>18</b>
Điều 20. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát.....	18
Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát .....	18
Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	18
Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát .....	19
<b>CHƯƠNG V</b> .....	Error! Bookmark not defined.
Điều 26. Cử, bãi miễn người đại diện phần vốn của Công ty.....	19
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn .....	20
<b>CHƯƠNG VI</b> .....	<b>20</b>
Điều 29. Trình tự, thủ tục lựa chọn, ký Hợp đồng .....	20
Điều 30. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc .....	21
Điều 31. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	22
<b>CHƯƠNG VII</b> .....	<b>22</b>

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác .....	22
Điều 33. Giao dịch với người có liên quan .....	23
<b>CHƯƠNG VIII</b> .....	<b>24</b>
Điều 35. Đào tạo về quản trị Công ty .....	24
<b>CHƯƠNG IX</b> .....	<b>24</b>
Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên .....	24
Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty .....	24
Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn .....	25
Điều 39. Tổ chức công bố thông tin .....	26
<b>CHƯƠNG X</b> .....	<b>26</b>
Điều 40. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập .....	26
<b>CHƯƠNG XI</b> .....	<b>26</b>
Điều 41. Báo cáo .....	26
Điều 42. Giám sát .....	26
Điều 43. Xử lý vi phạm .....	26
<b>CHƯƠNG XII</b> .....	<b>26</b>
Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty .....	27
Điều 45. Hiệu lực của Quy chế .....	27

## **QUY CHẾ QUẢN TRỊ**

### **Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2652015/QĐ ngày 26/5/2015 của Hội đồng quản trị)*

## **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế quản trị Công ty này áp dụng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị Công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2006
  - b. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trên lãnh thổ Việt Nam;
  - c. “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
    - ✓ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
    - ✓ Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
    - ✓ Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
    - ✓ Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

- ✓ Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
  - ✓ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
- d. “Ban Tổng Giám đốc” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc chuyên môn được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- e. “Cán bộ quản lý cấp cao” bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty, thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý khác trong Công ty;
- f. “Cổ đông nội bộ” là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán của Công ty;
- g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
- h. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- i. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- ✓ Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - ✓ Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của các Công ty con, Công ty liên kết và Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;
  - ✓ Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;
  - ✓ Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
  - ✓ Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **CHƯƠNG II**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
  - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.
  3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
  4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:
    - a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;
    - b. Cổ đông được đối xử công bằng.
  5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn**

1. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Hội đồng quản trị của Công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Điều lệ Công ty**

Điều lệ Công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

## **Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường**

1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

a. *Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;*

b. *Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:*

- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.
- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất **mười lăm (15) ngày** trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
- Nội dung thông báo:
  - ✓ Xác định địa điểm và thời gian tổ chức đại hội;
  - ✓ Nội dung chương trình họp và các tài liệu liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
  - ✓ Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận;
- Hình thức gửi thông báo:
  - ✓ Trên trang thông tin điện tử của Công ty ([www.trisedco.vn](http://www.trisedco.vn));
  - ✓ Gửi qua đường bưu điện bằng phương thức bảo đảm;
  - ✓ Công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch Chứng khoán;

c. *Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;*

- Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp;
- Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật;

- Từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho một (01) thẻ biểu quyết, có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
- Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn được đăng ký ngay khi đến.

*d. Cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:*

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

*e. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông qua kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông*

- Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có bầu cử, cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông được phát thẻ bầu cử. Thẻ bầu cử do Công ty phát hành với những ký hiệu đặc thù, trên đó có danh sách các ứng cử viên. Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu. Thẻ thức bầu cụ thể do Ban bầu cử thông báo trước khi thực hiện.
- Chủ tọa đại hội sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và thông qua trước đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 3 người.
- Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

*f. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;*

*g. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;*

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:  
Thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp được quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:  
Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

*h. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;*

Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;



- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

*i. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;*

Các thể thức về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp.

Các quy định khác về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

*j. Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;*

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Căn cứ biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ soạn thảo ra Nghị quyết đại hội gồm những nội dung đã được cổ đông biểu quyết thông qua.

Công ty sẽ công bố thông tin theo quy định.

*k. Các vấn đề khác.*

2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.
3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
6. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 7.** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

*Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:*

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

**Điều 8.** Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

*Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:*

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

### **CHƯƠNG III**

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 9.** Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
  - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

**Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.  
Điều lệ Công ty có thể quy định tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, nhưng các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị một Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) Công ty khác.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó có một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch và tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành.
2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

**Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc một số lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, định kỳ hoặc đột xuất phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc đã được phân công.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty. Công ty xây dựng cơ cấu quản trị Công ty đảm bảo Hội đồng quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:
  - a. *Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:*
    - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
    - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
  - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
- b. *Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:*
- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
  - Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - Cách thức biểu quyết;
  - Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
  - Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị;
  - Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
- a. *Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:*
- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
  - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
  - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
  - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
  - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- b. *Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:*
- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
  - Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
  - Các trường hợp Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
  - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
  - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc;
  - Các vấn đề Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức định kỳ mỗi quý một (1) lần, được xác định trước về thời gian vào khoảng từ ngày 15 đến ngày 25 của tháng cuối mỗi quý.

Trong trường hợp cần thiết vì sự phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo:

- a. Yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Yêu cầu của ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc ít nhất 2 thành viên của Ban Kiểm soát.
- d. Đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị dù là đột xuất hay thường kỳ chỉ được tiến hành khi các nội dung cần bàn thảo đã được thành viên Hội đồng quản trị liên quan chuẩn bị đầy đủ nội dung từ trước.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường (trong đó nêu rõ chương trình họp) của một trong các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trưởng họp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp, những người yêu cầu triệu tập cuộc họp nêu tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị, Chủ tọa cuộc họp này sẽ do các thành viên dự họp bầu ra.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 7 ngày trước ngày họp Hội đồng quản trị. Thông báo họp được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung, chương trình họp, thời gian, địa điểm. Các tài liệu về các vấn đề sẽ được xem xét, quyết định tại cuộc họp sẽ được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trước 3 ngày.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện thay thế tham dự cuộc họp, chương trình họp phải được các thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị không tham dự họp có thể ủy quyền cho người đại diện cho mình dự họp, nhưng việc ủy quyền dự họp không được quá tổng số 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ nội dung ủy quyền, có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền. Người được ủy quyền có quyền phát biểu, biểu quyết theo nội dung được ủy quyền, nhưng không được ứng cử vào các chức danh của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp mặt trực tiếp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết khi thông qua quyết định.

6. Quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết được thông qua khi có quá bán số thành Hội đồng quản trị dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu chấp thuận và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi có quá 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Quá thời hạn cuối cùng phải gửi ý kiến về Công ty quy định trong phiếu lấy ý kiến, mà thành viên Hội đồng quản trị không gửi phiếu lấy ý kiến của họ về Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị đó được coi như đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến theo phương án “đồng ý”.
7. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào Sổ họp Hội đồng quản trị và được lập thành Biên bản họp Hội đồng quản trị.  
Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
8. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị như Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) hoặc người khác có quyền phát biểu khi được Hội đồng quản trị mời, nhưng không có quyền biểu quyết.
9. Đối với vấn đề cần phải quyết định ngay mà không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản, để xử lý kịp thời thì được giải quyết bằng cách thống nhất giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, sau đó báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành trong Công ty.
11. Trong trường hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thì thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân tại biên bản cuộc họp nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp thêm các thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung họp Hội đồng quản trị ngoài những tài liệu được nêu tại Khoản 3 Điều này.

**Điều 16. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. *Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;*
- b. *Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;*
- c. *Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;*
- d. *Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;*
- e. *Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;*

- f. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- g. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**Điều 17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
4. Trường hợp các Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

**Điều 18. Thư ký Công ty**

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
  - Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - Làm biên bản các cuộc họp;
  - Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
  - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 19. Thù lao của Hội đồng quản trị**

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Thù lao của Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.



3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

## **CHƯƠNG IV**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 20.** *Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát*

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 9 tại Quy chế quản trị này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 21.** *Tư cách thành viên Ban kiểm soát*

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

#### **Điều 22.** *Thành phần Ban kiểm soát*

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc Tài chính của Công ty.

#### **Điều 23.** *Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát*

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.
2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 24.** *Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát*

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty đại chúng.
6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế quản trị này.

**Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát**

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

## **CHƯƠNG V**

### **QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 26. Cử, bãi miễn người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác**

Hội đồng quản trị Công ty có thẩm quyền quyết định cử hoặc bãi miễn người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Hàng năm, Hội đồng quản trị Công ty tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn Công ty tại doanh nghiệp khác, quyết định khen thưởng, kỷ luật hay các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện.

**Điều 27. Tiêu chuẩn người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác**

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ;
2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
3. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp mà công ty đầu tư vốn;
4. Người đại diện phần vốn của Công ty tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của doanh nghiệp mà Công ty đầu tư phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng như thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mà doanh nghiệp đó quy định.

**Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác**

1. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp này phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của đại diện chủ sở hữu;
2. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp được đầu tư. Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc về tình hình SXKD, tài chính, các nhiệm vụ được giao;
3. Theo dõi, đơn đốc và thực hiện thu hồi vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác gồm thu cổ tức, các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác;
4. Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác phải đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp khác đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (phương hướng, chiến lược, phát hành thêm cổ phiếu, chia cổ tức...) người đại diện phải chủ động báo cáo Hội đồng quản trị Công ty, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty.

**CHƯƠNG VI****CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - BAN KIỂM SOÁT****Điều 29. Trình tự, thủ tục lựa chọn, ký Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng cán bộ quản lý cấp cao**

1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao:
  - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
  - Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
  - Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, miễn cán trong công việc;
  - Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
2. Thẩm quyền lựa chọn, ký Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng cán bộ quản lý cấp cao:

Hội đồng quản trị lựa chọn, ký Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- Tự lợi cá nhân;
- Có đơn xin từ chức.

### **Điều 30. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc**

1. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực công việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty.

2. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty, thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị chưa điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông phiên họp gần nhất.

Ngược lại, nếu Tổng Giám đốc thực hiện trái hoặc không thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và pháp luật.

3. Đối với các cuộc họp do Tổng Giám đốc chủ trì để chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị hoặc họp xử lý công việc, Tổng Giám đốc có thể mời thành viên Hội đồng quản trị phụ trách lĩnh vực liên quan tham dự để phối hợp. Thành viên Hội đồng quản trị được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận.

- Đối với các cuộc họp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, Tổng Giám đốc mời Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng quản trị tham dự để có ý kiến chỉ đạo.
- Tùy theo yêu cầu nắm bắt thông tin, thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các buổi họp của Công ty do Tổng Giám đốc chủ trì và phải thông báo trước cho Tổng Giám đốc.
- Đối với các cuộc họp do các cơ quan tổ chức khác mời đại diện Hội đồng quản trị Công ty nhưng không mời đích danh, thì tùy theo tính chất cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cụ thể người dự họp.

4. Trong phạm vi phân cấp và theo các quy trình làm việc trong từng lĩnh vực, Tổng Giám đốc chủ động điều hành các hoạt động của Công ty, được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo nhanh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, chương trình thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị. Thời hạn báo cáo là 30 ngày sau mỗi quý đối với báo cáo quý và 40 ngày sau khi kết thúc năm đối với báo cáo năm.

Ngoài ra, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và hàng năm phải có báo cáo đánh giá về nguồn nhân lực của Công ty, thời hạn gửi báo cáo là 40 ngày sau khi kết thúc năm.

- Tổng Giám đốc xử lý các văn bản gửi đến Công ty trừ các văn bản gửi trực tiếp Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị, nếu văn bản đến do Tổng Giám đốc xử lý có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc sao y gửi Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị để giải quyết.

Đối với các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Tổng Giám đốc, nếu cần báo cáo cho Hội đồng quản trị cũng được thực hiện như trên.

### **Điều 31. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

- Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động của Công ty được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các Quy chế khác của Công ty.
- Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình bày báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.
- Các thành viên Ban Kiểm soát có thể tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời, được quyền phát biểu ý kiến và kiến nghị những vấn đề liên quan như biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp Hội đồng quản trị và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

## **CHƯƠNG VII**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH**

#### **VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY**

**Điều 32.** *Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác*

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
  - Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
  - Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
  - Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
  - Tổ chức thực hiện.

**Điều 33. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể (các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật) và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

**Điều 34. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
  - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
  - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

## **CHƯƠNG VIII**

### **ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 35. Đào tạo về quản trị Công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị Công ty tổ chức.

## **CHƯƠNG IX**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

**Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:



- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
  - d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
  - e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
  - f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban Kiểm soát;
  - g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
  - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
  - i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

**Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn**

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
  - b. Địa chỉ liên lạc;
  - c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
  - d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
  - e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
  - f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
  - g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

**Điều 39. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
  - a. *Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;*
  - b. *Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.*
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
  - a. *Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;*
  - b. *Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;*
  - c. *Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;*
  - d. *Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.*

## **CHƯƠNG X**

### **THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Điều 40. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập**

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

## **CHƯƠNG XI**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 41. Báo cáo**

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 42. Giám sát**

Các Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 43. Xử lý vi phạm**

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Hội đồng quản trị thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

#### Điều 45. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm XII chương, 45 điều, được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản nhất trí thông qua ngày 09 tháng 05 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân, đơn vị báo cáo bằng văn bản lên Tổng Giám đốc để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



LÊ VĂN CHUNG